

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 14/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Phương;
2. Ông Trương Văn Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019
về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 20A/2019/QĐST-DS ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 425,
M, khóm G, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lương Mỹ Ph, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 160, đường S,
phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:*

Vào ngày 08/7/2016 bà có cho bà Ph vay số tiền 277.200.000 đồng, bà
Ph có viết giấy nhận nợ.

Do là chỗ bạn bè từ thuở trung học nên bà không cầm cố tài sản và chỉ
tính lãi suất là 1%/tháng. Theo giấy nhận nợ bà Ph đồng ý trả cho góp cho bà

mỗi ngày 400.000 đồng đến cuối tháng tính lãi rồi trừ giảm vốn dần nhưng bà Ph chỉ thực hiện được đến ngày 20/12/2016 thì ngưng. Đến ngày 20/12/2018 bà Ph yêu cầu cho góp 200.000 đồng/ngày bà vẫn đồng ý. Bà Ph hứa nhưng không thực hiện đầy đủ. Bà M yêu cầu bà Ph trả cho bà khoản nợ đã vay vào ngày 08/7/2016 sau khi góp còn lại là 160.482.000 đồng, và tiền lãi tính từ ngày

Để chứng minh cho yêu cầu kiện, bà M đã nộp các tài liệu chứng cứ, trong đó có Giấy nhận nợ của bà Ph ghi ngày 08/7/2016 với nội dung bà Ph có mượn của bà M số tiền 277.200.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, mỗi ngày góp 400.000.000 đồng để trả lãi và trừ vốn, cam kết góp tiền đầy đủ và 02 giấy ghi chép của bà M về việc nhận tiền góp của bà Ph từ ngày 8/7/2016 đến ngày 12/01/2019 thể hiện vốn còn lại 160.482.000 đồng.

Lời khai trong quá trình tố tụng, ngày 25/02/2019 bị đơn bà Lương Mỹ Ph có tường trình: Vào năm 2011, bà có mượn của bà M 290.000.000 đồng, lãi suất cao đến thấp, bà đã trả đầy đủ, đến năm 2016 bà M yêu cầu bà góp mỗi ngày 400.000 đồng bà chấp nhận. Năm 2017 bà hỏi bà M trả được bao nhiêu thì bà M nói từ năm 2016-2017 trả được 120.000.000 đồng, còn nợ 170.000.000 đồng và bà M cho đến rằm tháng giêng góp lại. Năm 2018 bà vẫn góp cho bà M bình thường, tháng 11/2018 bà tiếp tục hỏi bà M thì bà M nói còn nợ 160.482.000 đồng. Sau khi hỏi, bà vẫn tiếp tục góp, đến gần tết nguyên đán 2018 bà xin bà M ngưng đến qua rằm sẽ góp lại nhưng bà chưa góp thì bà M đã khởi kiện. Việc bà góp tiền cho bà M do tin tưởng nên bà không ghi chép, nhưng bà M có ghi chép. Bà xác định chỉ còn nợ bà M 137.000.000 (một trăm ba mươi bảy triệu) đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự không thống nhất vốn vay, tiền lãi và cách thức thanh toán nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và yêu cầu bà Ph trả vốn vay 159.472.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 13/01/2019 đến ngày xét xử 7.975.000 đồng, tổng cộng là 167.447.000 đồng, sẽ xem xét việc trả dần cho bị đơn ở giai đoạn thi hành án.

Bị đơn xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thống nhất khoản nợ vốn, lãi như nguyên đơn trình bày, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt, không tính lãi tiếp tục.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 và việc BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định bà Ph có vay của bà M 277.200.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Ph đã trả vốn 117.728.000 đồng và tiền lãi 61.452.000 đồng còn nợ vốn 159.472.000 đồng. Bà M yêu cầu bà Ph trả vốn, lãi tính đến ngày 14/6/2019 tổng cộng 167.447.000 đồng, bà Ph thống nhất về khoản nợ vay, lãi suất nhưng cho rằng chỉ còn nợ vốn 137.000.000 đồng, ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ khác chứng minh, tại phiên tòa bà Ph thống nhất vốn, lãi như bà M trình bày nhưng yêu cầu bà M cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, không tính lãi, bà M không thống nhất phương thức thanh toán. Do đó yêu cầu của bà M là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi vay còn nợ 160.482.000 đồng, đồng thời tính lãi tiếp tục với mức lãi suất đã thỏa thuận. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn cư trú tại phường Châu Phú A, thành phố Châu Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Các bên thỏa thuận viết giấy nhận nợ vào ngày 08/7/2016 theo nguyên đơn đến ngày 15/01/2019 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, ngày 24/01/2019 nguyên đơn khởi kiện nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên thống nhất việc vay với hình thức góp mỗi ngày trừ lãi và vốn cho đến khi dứt, nên hợp đồng vay giữa các bên là có thời hạn và có tính lãi.

[3] Về vốn vay: Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, sau khi kết sổ có viết giấy nhận nợ 277.200.000 đồng vào ngày 08/7/2016, thỏa thuận

mức lãi suất và hình thức thanh toán, bị đơn thừa nhận gặp khó khăn về kinh tế nên không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn cho rằng đến năm 2018 vẫn còn góp vốn, lãi cho nguyên đơn chỉ còn nợ vốn 137.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không ghi chép lại và tòa án đã ra thông báo số 30/2019/TB-TA ngày 05/4/2019 yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn xác định sau khi viết giấy nhận nợ bị đơn có góp đến ngày 15/01/2019 với số tiền vốn 117.728.000 đồng và tiền lãi 61.452.000 đồng có cơ sở.

Tại phiên tòa các bên thống nhất vốn vay còn nợ là 159.472.000 đồng.

[4] Về yêu cầu tính lãi và nghĩa vụ trả nợ, thấy rằng:

Hợp đồng vay các bên xác lập có thỏa thuận lãi 1%/tháng, trong quá trình tố tụng các bên thống nhất, xét thấy việc các bên thỏa thuận mức lãi suất không vượt quá quy định tại 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn vay còn lại 159.472.000 đồng tính đến ngày 12/01/2019 và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 13/01/2019 đến ngày xét xử 7.975.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn vốn, lãi tổng cộng 167.447.000 đồng.

[5] Nghĩa vụ trả nợ, phương thức thanh toán:

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo định kỳ nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn vốn, lãi tổng cộng 167.447.000 đồng.

Bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nguyên đơn không thống nhất nên được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[6] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bà Lương Mỹ Ph có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M 167.477.000 đồng (*một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Mỹ Ph phải chịu 8.372.000 (*tám triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà M 4.012.000 (*bốn triệu, không trăm mười hai nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2016/0007795 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Bích Thủy